

PHỤ LỤC

Giao chỉ tiêu "Tỷ lệ dịch vụ công phát sinh hồ sơ trực tuyến"; "Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến" trên Hệ thống thông tin quyết thủ tục hành chính của tỉnh và "Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia"**giải**
 cho các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024
 (Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-STNMT ngày 21/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

STT	LĨNH VỰC/THỦ TỤC	Giao chỉ tiêu tỷ lệ tối thiểu			
		Số lượng DVCTT mức độ một phần, toàn trình được công bố tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG đạt tối thiểu
TỔNG CHỈ TIÊU CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (86 TTHC)		86	90%	90%	45%
I	GIAO CHỈ TIÊU CHO: PHÒNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ KHOÁNG SẢN (35 TTHC)	35	90%	90%	45%
Lĩnh vực Khoáng sản (17 TTHC)					
1	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản				
2	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản				
3	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản				
4	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản				
5	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản				
6	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản				
7	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản				
8	Đóng cửa mỏ khoáng sản				
9	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				
10	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				
11	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				
12	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình				

STT	LĨNH VỰC/THỦ TỤC	Giao chỉ tiêu tỷ lệ tối thiểu			
		Số lượng DVCTT mức độ một phần, toàn trình được công bố tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG đạt tối thiểu
13	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản				
14	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản				
15	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch				
16	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản				
17	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt				
Lĩnh vực Tài nguyên nước (18 TTHC)					
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm				
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm				
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm				
4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm				
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm				

STT	LĨNH VỰC/THỦ TỤC	Giao chỉ tiêu tỷ lệ tối thiểu			
		Số lượng DVCTT mức độ một phần, toàn trình được công bố tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG đạt tối thiểu
6	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m3 /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m3 /ngày đêm				
7	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ				
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ				
9	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước				
10	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành				
11	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước				
12	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh				
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ				
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành				
15	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển				
16	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi				
17	Đăng ký khai thác nước dưới đất				
18	Trả lại giấy phép tài nguyên nước				
II	GIAO CHỈ TIÊU CHO: PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (10 TTHC)	10	90%	90%	45%
Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ (02 TTHC)					
1	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II				

STT	LĨNH VỰC/THỦ TỤC	Giao chỉ tiêu tỷ lệ tối thiểu			
		Số lượng DVCTT mức độ một phần, toàn trình được công bố tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG đạt tối thiểu
2	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ				
Lĩnh vực Đất đai (08 TTHC)					
1	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp				
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao				
3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao				
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao				
5	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế				
6	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004				
7	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo				
8	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp				
III	GIAO CHỈ TIÊU CHO: CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (11 TTHC)	11	90%	90%	45%

STT	LĨNH VỰC/THỦ TỤC	Giao chỉ tiêu tỷ lệ tối thiểu			
		Số lượng DVCTT mức độ một phần, toàn trình được công bố tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG đạt tối thiểu
Lĩnh vực Môi trường (08 TTHC)					
1	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ				
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học				
3	Cấp giấy phép môi trường				
4	Cấp lại giấy phép môi trường				
5	Cấp đổi giấy phép môi trường				
6	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường				
7	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường				
8	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)				
Lĩnh vực Khí tượng, thủy văn (03 TTHC)					
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn				
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn				
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn				
IV	GIAO CHỈ TIÊU CHO: VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI (30 TTHC)	30	90%	90%	45%
Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm (05 TTHC)					
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
2	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký				
3	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
4	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất				

STT	LĨNH VỰC/THỦ TỤC	Giao chỉ tiêu tỷ lệ tối thiểu			
		Số lượng DVCTT mức độ một phần, toàn trình được công bố tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG đạt tối thiểu
5	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
Lĩnh vực Đất đai (25 TTHC)					
1	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất				
2	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận				
3	Tách thửa hoặc hợp thửa đất				
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất				
5	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu				
6	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu				
7	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp				
8	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở				
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định				
10	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm				

STT	LĨNH VỰC/THỦ TỤC	Giao chỉ tiêu tỷ lệ tối thiểu			
		Số lượng DVCTT mức độ một phần, toàn trình được công bố tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG đạt tối thiểu
11	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp				
12	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất				
13	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền				
14	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất				
15	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu				
16	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý				
17	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề				
18	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu				
19	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân				
20	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp				

STT	LĨNH VỰC/THỦ TỤC	Giao chỉ tiêu tỷ lệ tối thiểu			
		Số lượng DVCTT mức độ một phần, toàn trình được công bố tại Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt tối thiểu	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG đạt tối thiểu
21	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện				
22	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất				
23	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận				
24	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất				
25	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường				

Ghi chú: Tổng số 86 thủ tục hành chính./.